TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST Ngày 11 tháng 9 năm 2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Êu

2. Bà Đinh Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị P, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản N, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh trợ giúp pháp lý số B, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh T; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản N, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn Hà Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được UBND xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 30/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2020, vợ chồng đi làm công nhân, trong thời gian đó anh T không tu trí làm ăn mà chơi bời lêu lổng, ham mêm cờ bạc, bỏ bê vợ con không quan tâm, vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cãi vã, chửi bới nhau. Từ những mâu thuẫn nhỏ không hòa giải được dẫn đến rạn nứt tình cảm, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn không hòa giải được nên chị và anh T ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài và rất trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Vi Việt H, sinh ngày 19/8/2014 và Vi Xuân P1, sinh ngày 22/4/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng ông bà nội tại bản Nà Đang, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Chị vẫn gửi tiền về để ông bà chăm lo cho các cháu; thi thoảng chị đến thăm và đón các cháu về huyện Q chơi với chị, còn anh T không quan tâm chăm lo cho các cháu. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giao các cháu Vi Việt H và Vi Xuân P1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, chị đang làm công nhân, có việc và thu nhập ổn định bình quân 6.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con, nên không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vi Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh T đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Toà án đã tiến hành xác minh tại bản N, xã L, huyện L về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Anh Vi Văn T đăng ký thường trú tại bản N, xã L, huyện L, hiện nay chưa thay đổi nơi đăng ký thường trú; anh T không đăng ký tạm trú ở nơi khác và không xin tạm vắng khỏi địa phương. Anh T là lao động tự do, thi thoảng anh T có về thăm nhà và các con, ngoài ra anh T và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau bằng điện thoại.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Đầu năm 2020, giữa chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, mặc dù vợ chồng không cãi vã, chửi bới, đánh đập nhau nhưng luôn thờ ơ, lanh nhạt và không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân là do anh T có chơi bời và tham gia chơi lô đề trái phép, gia đình hai bên đã khuyên can, hòa giải nhiều lần nhưng chị P không tha thứ cho anh T, nên mâu thuẫn không được giải quyết. Đến đầu năm 2023, chị P và anh T ly thân không ai quan tâm đến ai.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị P và anh T có 02 con chung là cháu

Vi Việt H, sinh ngày 19/8/2014 và Vi Xuân P1, sinh ngày 22/4/2019, các cháu đang ở cùng ông bà nội tại bản Nà Đang, xã L, huyện L, các cháu đều khỏe mạnh và được chăm sóc tốt về mọi mặt. Hiện nay, chị P và anh T đang làm công nhân có mức thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng và đang ở cùng bố mẹ đẻ. Cả chị P và anh T đều quan tâm, yêu thương và chăm lo cho các con, các cháu cũng yêu thương bố mẹ.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Vi Văn T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị P và Trích lục kết hôn (bản sao) số 21/TLKH-BS ngày 28/8/2023 do UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị P và anh Vi Văn T là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị P, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, chị P đều có nguyện vọng được ly hôn anh T; anh T không có ý kiến.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị P phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của các đương sự thì giữa chị P và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thờ ơ lạnh nhạt với nhau. Nguyên nhân là do anh T ham chơi bời, lô đề cờ bạc làm cho kinh tế gia đình lâm vào khó khăn. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị P và

anh T không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, quyết định cho chị P được ly hôn anh T.

[5] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Hà Thị P và bản sao Giấy khai sinh của cháu H, cháu P1, đủ cơ sở xác định: Các cháu Vi Việt H, sinh ngày 19/8/2014 và Vi Xuân P1, sinh ngày 22/4/2019 là con chung của chị P và anh T.

Xét nguyện vọng của chị P, thấy: Chị P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu P1, nguyện vọng của chị P là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Xét về điều kiện nuôi con của chị P, anh T thấy: Căn cứ lời trình bày của chị P phù hợp với kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng thì chị P và anh T có việc làm, mức thu nhập và các điều kiện khác để nuôi con là ngang nhau. Nhưng anh T là người ham chơi lại còn tham gia lô đề cờ bạc; trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng không có ý kiến về việc nuôi con. Mặt khác, cháu H đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với chị P; cháu P1 còn rất nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu. Để cháu H và cháu P1 có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt nên giao cả hai cháu cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Hà Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị P là người dân tộc thiểu số (Dân tộc T1), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị P, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Hà Thị P được ly hôn anh Vi Văn T.

Về con chung: Giao các cháu Vi Việt H, sinh ngày 19/8/2014 và Vi Xuân P1, sinh ngày 22/4/2019 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện

của chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Hà Thị P.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Hà Thị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; vắng mặt bị đơn Vi Văn T. Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã Lâm Phú, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám